

Bản án số: 05 /2022/DS-ST

Ngày: 09-02-2022.

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp – Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLST-DS ngày 19/5/2021, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn T H, *Sinh năm:* 1968; *Là chủ hộ kinh doanh H H; Địa chỉ:* 254A ấp T Đ, xã T T, huyện L V, tỉnh Đ T. *Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn T H là:* Trần Duy Phương, *Sinh năm:* 1997; *Địa chỉ:* 95B/2 ấp T M1, xã V T, huyện L V, tỉnh Đ T. (có mặt)

2. *Bị đơn:* 2.1. Nguyễn Thị G, *Sinh năm:* 1977, (vắng mặt); 2.2. Nguyễn Thanh Đ (Chính T), *Sinh năm:* 1976, (vắng mặt); Cùng địa chỉ: 81 ấp H N, xã L H B, huyện L V, tỉnh Đ T

3.3. Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), *Sinh năm:* 1984, (vắng mặt); Cùng địa chỉ: 132/5 ấp T T, xã T P, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H ủy quyền cho Trần Duy Phương trình bày:

Năm 2018 Nguyễn Thu X, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thị G có nhờ ông Ngô Thanh Vũ là anh rể của Xuân đến cửa hàng H H để mua vật tư nông nghiệp

là phân bón thuốc bảo vệ thực vật dùng cho Nguyễn Thu X để chăm sóc vườn quýt do Nguyễn Thu X hùn với vợ chồng Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thị G. Từ năm 2018 đến năm 2021 Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H có bán vật tư nông nghiệp phân bón thuốc bảo vệ thực vật cho Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ để chăm sóc vườn quýt, người trực tiếp mua, nhận vật tư nông nghiệp phân bón thuốc bảo vệ thực vật là Ngô Thanh Vũ, tính đến ngày 28/3/2021 Nguyễn Thị G, Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), Nguyễn Thanh Đ còn nợ cửa hàng H H do Nguyễn T H làm chủ là 283.488.000 đồng, bà Hoa yêu cầu nhiều lần đến nay chưa trả. Chứng cứ chứng minh là sổ mua bán giao nhận hàng hóa có chữ ký ghi họ tên của Ngô Thanh Vũ, Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), Chính T, Nguyễn Văn Y (Ba của Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G).

Nguyễn T H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ là 283.488.000 đồng, lãi không yêu cầu.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Thị G trình bày: Nguyễn Thị G với Nguyễn Thanh Đ là vợ chồng có hùn làm ăn với Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X) canh tác 04 công quýt đường, đất là của ông Nguyễn Văn Y cho canh tác trồng quýt. Có mua vật tư nông nghiệp là phân bón thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng Nguyễn T H từ năm 2018 đến năm 2021 còn nợ số tiền tổng cộng là 283.488.000 đồng đúng như Nguyễn T H yêu cầu. Đối với ông Ngô Thanh Vũ có mua phân thuốc dùng vợ chồng Nguyễn Thị G với Nguyễn Thu X, có ký nhận trong sổ mua bán, số tiền nợ 283.488.000 đồng là của Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ nợ, ông Ngô Thanh Vũ chỉ đứng ra mua dùng và ông Nguyễn Văn Y có nhận hàng hóa dùng chứ ông Nguyễn Văn Y, Ngô Thanh Vũ không có nợ, liên quan gì số tiền này. Nguyễn Thị G đồng ý liên đới với Nguyễn Văn Điền, Nguyễn Thu X trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ tổng cộng là 283.488.000 đồng.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Thanh Đ trình bày: Vợ chồng Nguyễn Thanh Đ có hùn làm ăn với Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X) canh tác 04 công quýt đường, đất là của ông Nguyễn Văn Y cho canh tác trồng quýt. Có mua vật tư nông nghiệp là phân bón thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng chị Nguyễn T H từ năm 2018 đến năm 2021 còn nợ số tiền tổng cộng là 283.488.000 đồng đúng như chị Hoa yêu cầu. Đối với ông Ngô Thanh Vũ có mua phân thuốc dùng vợ chồng Nguyễn Thị G với Nguyễn Thu X, có ký nhận trong sổ mua bán, số tiền nợ 283.488.000 đồng là của Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ nợ, ông Ngô Thanh Vũ chỉ đứng ra mua dùng và ông Nguyễn Văn Y có nhận hàng hóa dùng chứ ông Nguyễn Văn Y, Ngô Thanh Vũ không có nợ, liên quan gì số tiền này. Nguyễn Văn Điền đồng ý liên đới với

Nguyễn Thị G, Nguyễn Thu X trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ tổng cộng là 283.488.000 đồng, do quýt bị bệnh và dịch bệnh covid nên hiện nay kinh tế khó khăn chưa có tiền trả.

* Bị đơn Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật, buộc bị đơn Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thu X liên đới trả số tiền còn nợ là 283.488.000 đồng, không phải trả tiền lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn T H khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới trả nợ mua vật tư nông nghiệp phân bón thuốc bảo vệ thực vật, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyễn T H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ là 283.488.000 đồng, lãi không yêu cầu. Chứng cứ chứng minh là sổ mua bán giao nhận hàng hóa có chữ ký ghi họ tên của Ngô Thanh Vũ, Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), Chính T, Nguyễn Văn Y (Ba của Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G).

Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ nợ 283.488.000 đồng là tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H, để chăm sóc vườn quýt đường cùng hùn làm ăn chung của Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ, các lần giao nhận hàng hóa có Ngô Thanh Vũ, Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), Chính T, Nguyễn Văn Y ký nhận hàng hóa vào sổ mua bán. Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ thừa nhận có hùn làm ăn với Nguyễn Thu X, có nợ bà Hoa số tiền như bà Hoa yêu cầu. Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ tự nguyện liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H số tiền còn nợ vốn là 283.488.000 đồng, không phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ.

Đối với bị đơn Nguyễn Thu X Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn Nguyễn Thu X biết Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ là 283.488.000 đồng, lãi không yêu cầu nhưng Nguyễn Thu X không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn Nguyễn Thu X tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Theo lời trình bày của Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ có hùn trồng quýt với Nguyễn Thu X và nhờ ông Ngô Thanh Vũ đứng ra mua vật tư nông nghiệp là phân bón thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H, để chăm sóc vườn quýt, các lần giao nhận hàng hóa có Ngô Thanh Vũ, Nguyễn Thu X (Nguyễn Thanh X), Chính T, Nguyễn Văn Y ký nhận hàng hóa vào sổ mua bán nên Nguyễn Thu X phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 283.488.000 đồng.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H, buộc Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H tiền vốn còn nợ là 283.488.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”...

Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”.

Đối với tiền lãi Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H về việc yêu cầu Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới trả nợ.

2. Buộc Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới trả cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H số tiền còn nợ vốn là 283.488.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Nguyễn Thu X, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thanh Đ liên đới nộp 14.174.400 đồng (Mười bốn triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng).

4.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn T H là chủ hộ kinh doanh H H 7.087.200 đồng (Bảy triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014696, ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền